

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)

1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm /Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Thạc sĩ	0982511699	thuha672@yahoo.com.vn	Khoa LLCT-TLGD	VPK Khoa LLCT-TLGD
2	Hà Duy Tá	Thạc sĩ	0932296422	haduyta@gmail.com	Khoa LLCT-TLGD	VPK Khoa LLCT-TLGD
3	Vương Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ	0945334850	vuongthuy178@gmail.com	Khoa LLCT-TLGD	VPK Khoa LLCT-TLGD
4	Đào Lan Hương	Thạc sĩ	0919614006	Lanhuongcdspbn1@gmail.com	Khoa LLCT-TLGD	VPK Khoa LLCT-TLGD
5	Nguyễn Thị Hạnh Ngọc	Thạc sĩ	0989663082	hanhngoccdsp@bacninh.edu.vn	Khoa LLCT-TLGD	VPK Khoa LLCT-TLGD
6	Vương Thị Thùy	Thạc sĩ	0935368486	cdspbnvuongthuy@gmail.com	Khoa LLCT-TLGD	VPK Khoa LLCT-TLGD

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TÂM LÝ HỌC MẦM NON

- Mã học phần: TL.MN.CS.01

- Số tín chỉ: 04

- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy/ VLVH/ Liên thông

- Các học phần tiên quyết:
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Lên lớp: 40
 - + Thực hành: 40
 - + Sinh viên tự học: 120
- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tâm lí giáo dục/ Khoa Lí luận chính trị - Tâm lí giáo dục.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức:

- Sinh viên nhận biết và giải thích được những kiến thức đại cương về khoa học tâm lí, bản chất tâm lí, các hiện tượng tâm lí người.
- Phân tích và đánh giá được đặc điểm các hiện tượng tâm lí người dưới góc độ khoa học biện chứng
- Sinh viên phân tích được các đặc điểm tâm lí cơ bản của trẻ em qua từng giai đoạn độ tuổi (từ 0-6 tuổi)

3.2. Kỹ năng:

- Sinh viên có thể vận dụng những tri thức vào việc giải quyết các vấn đề và tình huống trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non
- Có kỹ năng giao tiếp ứng xử phù hợp với trẻ.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng nghiên cứu khoa học giáo dục trong lĩnh vực Giáo dục mầm non về chương trình, nội dung, phương pháp, xu hướng phát triển. Có năng lực làm việc nhóm, giải quyết các vấn đề trong thực tiễn giáo dục Mầm non.
- Có trách nhiệm nghề nghiệp: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề; có hành vi đạo đức và phong cách phù hợp với môi trường giáo dục mầm non.

4. Chuẩn đầu ra của học phần:

4.1. Về kiến thức

- KT1: Sinh viên trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa, chức năng cơ bản của tâm lí học và tâm lí học trẻ em.
- KT2: Phân loại được các hiện tượng tâm lí.
- KT3: Phân loại được chức năng cơ bản của từng phương pháp nghiên cứu.
- KT4: Giải thích được những kiến thức đại cương về các hiện tượng tâm lí người.

KT5: Nắm được hoạt động chủ đạo của mỗi giai đoạn lứa tuổi. Và các đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ Mầm non trong giai đoạn 0 - 6 tuổi.

KT6: Giải thích được nguyên nhân của “khủng hoảng tuổi lên 3”.

4.2. Về kỹ năng

4.2.1. Về kỹ năng cứng (KNC)

KNC1: Phân tích được đặc điểm bản chất của các hiện tượng tâm lí người.

KNC2: Phân tích và đánh giá được sự ảnh hưởng của các yếu tố đối với sự phát triển tâm lí trẻ em.

KNC3: Phân tích và minh họa nội dung quy luật phát triển tâm lí trẻ em bằng những hiện tượng cụ thể trong thực tế đời sống.

KNC4: Phân tích được các chức năng tâm lí cơ bản của trẻ em qua từng giai đoạn độ tuổi (từ 0-6 tuổi).

KNC5: Sinh viên có thể vận dụng lí luận để giải thích và làm bài tập tâm lí học.

KNC6: Rút ra bài học và những kết luận cần thiết nhằm giúp trẻ ở từng giai đoạn lứa tuổi phát triển toàn diện các chức năng tâm lí.

4.2.2. Về kỹ năng mềm (KNM)

KNM1: Đưa ra những biện pháp nhằm giúp trẻ hình thành những nét tâm lí tích cực nhằm chuẩn bị tâm lí cho trẻ trước khi đi học tiểu học.

KNM2: Có kỹ năng giao tiếp ứng xử phù hợp với trẻ.

4.3. Về năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm

NL1: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong quá trình nghiên cứu học phần.

NL2: Có khả năng đánh giá được sự phát triển tâm lí của trẻ trong từng giai đoạn độ tuổi.

5. Ma trận liên kết nội dung chương/mục với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần	Kiến thức	Kỹ năng	Năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm
-------------------	-----------	---------	-------------------------------------

		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KNC	KNM	NL1	NL2
Phần 1: Nhập môn tâm lí học Chương 1: Những vấn đề chung của Tâm lí học và tâm lí học trẻ em	I. Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí và ý nghĩa của tâm lí học và tâm lí học trẻ em	x									
	II. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lí	x								x	
	III. Các phương pháp nghiên cứu tâm lí học và tâm lí học trẻ em			x							
	IV. Sự phát triển tâm lí trẻ em			x				x		x	
	V. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lí trẻ em		x					x		x	
Chương 2: Các hiện tượng tâm lí người	I. Ý thức		x					x		x	
	II. Chú ý- điều kiện của hoạt động có ý thức		x					x			x
	III. Hoạt động nhận thức		x					x			x
	IV. Trí nhớ		x					x		x	
	V. Tình cảm		x					x			x
	VI. Ý chí		x					x			x
	VII. Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách		x					x		x	
Phần 2: Tâm lí học trẻ em. Chương 1: Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ từ 0 – 1 tuổi	I. Đặc điểm phát triển của trẻ từ 0 đến 2 tháng tuổi	x			x	x		x	x	x	
	II. Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ từ 2 đến 12 tháng	x			x	x		x	x		x
Chương 2 :	I. Sự phát triển các vận động và hoạt	x			x	x		x	x	x	

Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ từ 1 đến 3 tuổi	động của tuổi ấu nhi (1-3 tuổi)										
	II. Đặc điểm phát triển tâm lí tuổi ấu nhi (1-3 tuổi)	X			X	X	X		X		X
Chương 3: Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ mẫu giáo bé (3-4 tuổi)	I. Sự thay đổi hoạt động chủ đạo					X			X	X	
	II. Đặc điểm phát triển một số chức năng tâm lí	X			X	X			X		X
Chương 4: Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ mẫu giáo nhỏ (4-5 tuổi)	I. Sự hoàn thiện hoạt động vui chơi	X				X				X	
	II. Đặc điểm phát triển một số chức năng tâm lí	X			X	X				X	X
Chương 5: Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ mẫu giáo lớn (5 đến 6 tuổi)	I. Đặc điểm phát triển các dạng hoạt động của trẻ				X	X		X		X	
	II. Đặc điểm phát triển một số chức năng tâm lí				X	X			X		X

6. Các yêu cầu của học phần

- Yêu cầu đối với sinh viên:

+ Đọc nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, làm bài tập, đề xuất khi nghe giảng.

+ Chuẩn bị câu hỏi thảo luận; đọc, sưu tầm các tư liệu liên quan đến bài học.

+ Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra

thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

- *Yêu cầu giảng viên:*

+ Nắm vững kiến thức cơ bản của bộ môn được phân công giảng dạy và một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao.

+ Lên kế hoạch xây dựng chương trình học phù hợp đối với sinh viên, nâng cao trình độ kỹ năng chuyên môn để truyền đạt kiến thức tối đa nhất cho sinh viên mình phụ trách.

+ Cập nhật được các tài liệu liên quan, đáp ứng được nhu cầu đào tạo phù hợp thực tiễn và xu thế phát triển.

+ Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học.

7. Nội dung, phương pháp dạy - học

TT số tiết theo CT	Nội dung chi tiết	Phương pháp dạy – học	Giờ giảng dạy trên lớp		Giờ sinh viên tự học
			Lí thuyết	Bài tập/ Thực hành/Thảo luận	
1 - 6	<p>Phần 1: Nhập môn tâm lí học</p> <p>Chương 1: Những vấn đề chung của Tâm lí học và tâm lí học trẻ em</p> <p><i>I. Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí và ý nghĩa của tâm lí học và tâm lí học trẻ em</i></p> <p>1. Đối tượng của tâm lí học và tâm lí học trẻ em</p> <p>2. Nhiệm vụ của tâm lí học và tâm lí học trẻ em</p> <p>3. Vị trí của tâm lí học</p> <p>4. Ý nghĩa của tâm lí học và tâm lí học trẻ em</p> <p><i>II. Bản chất, chức năng, phân loại các</i></p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Đàm thoại</p> <p>- Thảo luận nhóm</p>	6		

	<p>hiện tượng tâm lí</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản chất hiện tượng tâm lí người 2. Chức năng của tâm lí 3. Phân loại các hiện tượng tâm lí <p>III. Các phương pháp nghiên cứu tâm lí học và tâm lí học trẻ em</p> <p>IV. Sự phát triển tâm lí trẻ em</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên lí phát triển 2. Trẻ em là một thực thể đang phát triển 3. Phân định thời kì phát triển theo lứa tuổi 4. Những quy luật cơ bản của sự phát triển tâm lí trẻ em <p>V. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lí trẻ em</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nền văn hóa xã hội và sự phát triển tâm lí trẻ em 2. Hoạt động- Giao tiếp và sự phát triển tâm lí trẻ em 3. Điều kiện sinh học và sự phát triển tâm lí trẻ em 4. Giáo dục và sự phát triển tâm lí trẻ em 				
7 - 12	<p>* Thảo luận:</p> <p>- Nội dung:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản chất hiện tượng tâm lí người 2. Những quy luật cơ bản của sự phát triển tâm lí trẻ em 3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lí trẻ em 	Seminar		6	
	<p>*Tự học của SV:</p> <p>- Các phương pháp nghiên cứu tâm lí tâm lí</p>				18

	học và tâm lí học trẻ em				
13 - 20	<p>Chương 2: Các hiện tượng tâm lí người</p> <p><i>I. Ý thức</i></p> <p>1. Khái niệm về ý thức</p> <p>2. Các cấp độ của ý thức</p> <p>3. Sự hình thành và phát triển ý thức</p> <p><i>II. Chú ý- điều kiện của hoạt động có ý thức</i></p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Các loại chú ý</p> <p>3. Các thuộc tính cơ bản của chú ý</p> <p><i>III. Hoạt động nhận thức</i></p> <p><i>1. Nhận thức cảm tính</i></p> <p><i>1.1. Cảm giác</i></p> <p>a. Khái niệm chung về cảm giác</p> <p>b. Phân loại cảm giác</p> <p>c. Các qui luật cơ bản của cảm giác</p> <p><i>1.2. Tri giác</i></p> <p>a. Khái niệm chung về tri giác</p> <p>b. Phân loại tri giác</p> <p>c. Các qui luật cơ bản của tri giác</p> <p><i>2. Nhận thức lí tính</i></p> <p><i>2.1. Tư duy</i></p> <p>a. Khái niệm về tư duy (ĐN, đặc điểm)</p> <p>b. Các giai đoạn của tư duy</p> <p>c. Các thao tác của tư duy</p> <p>d. Các loại tư duy</p> <p>g. Vai trò của tư duy</p> <p><i>2.2. Tưởng tượng</i></p>	<p>- Nêu vấn đề</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Thuyết trình</p>	8		

<p>a. Khái niệm chung về tưởng tượng b. Các loại tưởng tượng c. Các cách sáng tạo hình ảnh mới của TT</p> <p><i>3. Ngôn ngữ và hoạt động nhận thức</i></p> <p>3.1. Khái niệm chung về ngôn ngữ 3.2. Các loại ngôn ngữ 3.3. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động NT</p> <p>IV. Trí nhớ</p> <p><i>1. Khái niệm trí nhớ.</i> <i>2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ.</i></p> <p>2.1. Quá trình ghi nhớ 2.2. Quá trình gìn giữ 2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại 2.4. Sự quên</p> <p><i>3. Rèn luyện trí nhớ</i></p> <p>3.1. Biện pháp để ghi nhớ tốt 3.2. Biện pháp để gìn giữ tốt 3.3. Biện pháp để hồi tưởng cái đã quên</p> <p>V. Tình cảm</p> <p>1. Khái niệm tình cảm – xúc cảm (định nghĩa, vai trò) 2. Những đặc trưng của đời sống tình cảm 3. Các loại, các mức độ của đời sống tình cảm 4. Các qui luật của đời sống tình cảm</p> <p>VI. Ý chí</p> <p>1. Khái niệm về ý chí (định nghĩa, các phẩm chất ý chí) 2. Hành động ý chí (định nghĩa, cấu trúc)</p>				
--	--	--	--	--

	<p>3. Hành động tự động hoá (thói quen và kỹ xảo)</p> <p>VII. Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách</p> <p>1. Khái niệm nhân cách</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Đặc điểm</p> <p>2. Cấu trúc của nhân cách</p> <p>2.1. Các quan điểm về cấu trúc của nhân cách</p> <p>2.2. Cấu trúc của nhân cách</p> <p>3. Sự hình thành và phát triển nhân cách</p> <p>3.1. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển NC</p> <p>3.2. Sự hoàn thiện nhân cách</p>				
21 - 29	<p>* Thảo luận:</p> <p>1. Phân biệt các quá trình cảm giác và tri giác; tư duy và tưởng tượng</p> <p>2. Các quy luật cảm giác, tri giác, quy luật tình cảm</p> <p>3. Các biện pháp rèn luyện trí nhớ</p> <p>4. Cấu trúc của nhân cách (<i>lưu ý lồng ghép tuyên truyền ATGT</i>)</p> <p>5. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách</p>	Seminar		9	
	<p>*Tự học của SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự hình thành và phát triển ý thức - Các thuộc tính cơ bản của chú ý - Phân loại cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng 				25

	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ và nhận thức - Hành động tự động hóa - Sự hoàn thiện nhân cách 				
30	<p>Kiểm tra định kì lần 1</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản chất của hiện tượng tâm lí người 2. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lí trẻ em 3. Phân biệt quá trình nhận thức cảm tính và nhận thức lí tính 3. Các quy luật cảm giác, tri giác, tình cảm 4. Các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách 		1		2
31 - 32	<p>Phần 2: Tâm lí học trẻ em</p> <p>Chương 1: Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ từ 0 – 1 tuổi</p> <p>I. Đặc điểm phát triển của trẻ từ 0 đến 2 tháng tuổi</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vai trò của phản xạ không điều kiện 2. Đặc điểm phát triển các giác quan 3. Sự phát triển các nhu cầu <p>II. Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ từ 2 đến 12 tháng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giao lưu xúc cảm trực tiếp là hoạt động chủ đạo 2. Sự phát triển vận động, hành động với đồ vật và định hướng của trẻ vào môi trường xung quanh. 3. Sự phát triển các chức năng tâm lí 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Nghiên cứu tài liệu 	2		
33 - 36	<p>* Thảo luận:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 1. Đặc điểm phát triển các nhu cầu 	Seminar		4	

	2. 2. Đặc điểm phát triển các chức năng tâm lí của trẻ từ 0 đến 12 tháng				
	Tự học của SV: Đặc điểm phát triển vô thức của trẻ từ 0 đến 1 tuổi				8
37 - 40	Chương 2 : Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ từ 1 đến 3 tuổi I. Sự phát triển các vận động và hoạt động của tuổi ấu nhi (1-3 tuổi) 1. Hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo 2. Các loại hành động với đồ vật của trẻ 3. Đi theo tư thế thẳng đứng II. Đặc điểm phát triển tâm lí tuổi ấu nhi (1-3 tuổi) 1. Đặc điểm phát triển nhận thức 2. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ 3. Đặc điểm phát triển chú ý 4. Đặc điểm phát triển trí nhớ 5. Đặc điểm phát triển xúc cảm 6. Tiền đề của sự hình thành phát triển nhân cách	- Nêu vấn đề - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Thuyết trình	4		
41 - 45	* Thực hành tại CSMN HP: Tìm hiểu về hoạt động của trẻ lứa tuổi 1-3 tuổi và đặc điểm phát triển một số chức năng tâm lí của trẻ.	Thực hành		5	
	*Tự học của SV: Đặc điểm vô thức và sự hình thành ý thức ở trẻ 1-3 tuổi				13

46	Kiểm tra thường xuyên lần 1 1. Đặc điểm phát triển các nhu cầu của trẻ 0-3 tuổi 2. Đặc điểm phát triển các chức năng tâm lí của trẻ 0-3 tuổi		1		2
47 - 51	Chương 3: Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ mẫu giáo bé (3-4 tuổi) I. Sự thay đổi hoạt động chủ đạo 1. Sự thay đổi về chất trong hoạt động chủ đạo 2. Đặc điểm hoạt động vui chơi của trẻ 3-4 tuổi II. Đặc điểm phát triển một số chức năng tâm lí 1. Đặc điểm phát triển nhận thức 2. Đặc điểm phát triển chú ý 3. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ 4. Đặc điểm phát triển tình cảm và ý chí 5. Sự phát triển động cơ hành vi và khả năng tự ý thức	- Nêu vấn đề - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Thuyết trình	5		
52 - 56	* Thực hành tại CSMNHP Tìm hiểu về sự thay đổi hoạt động của trẻ 4-5 tuổi và đặc điểm phát triển một số chức năng tâm lí của trẻ.	Thực hành		5	
	*Tự học của SV: Đặc điểm vô thức và sự hình thành ý thức ở trẻ 1-3 tuổi				15
57 - 62	Chương 4: Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi)	- Nêu vấn đề - Đàm thoại	6		

	<p>I. Sự hoàn thiện hoạt động vui chơi 1. Đặc điểm hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo nhỡ 2. Sự hình thành xã hội trẻ em</p> <p>II. Đặc điểm phát triển một số chức năng tâm lí 1. Đặc điểm phát triển nhận thức 2. Đặc điểm phát triển chú ý 3. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ 4. Đặc điểm phát triển tình cảm và ý chí 5. Sự hình thành hệ thống thứ bậc các động cơ và khả năng tự ý thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Thuyết trình 			
63 - 67	<p>* Thực hành tại CSMN HP: Tìm hiểu về hoạt động vui chơi của trẻ 4 -5 tuổi và đặc điểm phát triển một số chức năng tâm lí của trẻ.</p>	Thực hành		5	
	<p>*Tự học của SV: Đặc điểm phát triển các chức năng tâm lí của trẻ 4-5 tuổi</p>				17
68	<p>Kiểm tra định kì lần 2 1. Đặc điểm phát triển các chức năng tâm lí của trẻ 3-4 tuổi ; 4-5 tuổi 2. Đặc điểm phát triển hoạt động trẻ 3-4 tuổi và 4-5 tuổi</p>		1		2
69 - 74	<p>Chương 5 : Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ mẫu giáo lớn (5 đến 6 tuổi) I. Đặc điểm phát triển các dạng thoạt động của trẻ 1. Hoạt động vui chơi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu vấn đề - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Thuyết trình 	6		

2. Hoạt động học tập 3. Hoạt động lao động đơn giản 4. Hoạt động giao tiếp II. Đặc điểm phát triển một số chức năng tâm lí 1. Đặc điểm phát triển nhận thức 2. Đặc điểm phát triển chú ý 3. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ 4. Đặc điểm phát triển tình cảm và ý chí 5. Đặc điểm phát triển ý thức bản ngã				
* Thảo luận: 1. Những điều cần lưu ý khi tổ chức các hoạt động cho trẻ mẫu giáo lớn 2. Đặc điểm phát triển các chức năng tâm lí của trẻ 5-6 tuổi	Thực hành		5	
* Kiểm tra thường xuyên lần 2 1. Đặc điểm phát triển nhận thức 2. Đặc điểm phát triển chú ý 3. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ 4. Đặc điểm phát triển tình cảm và ý chí 5. Đặc điểm phát triển ý thức bản ngã		1		
*Tự học của SV: - Đặc điểm phát triển tâm lí trẻ 5-6 tuổi				18
TỔNG		40	40	120

8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

- Tài liệu chính:

[1]. Trường CĐSP Bắc Ninh, Tài liệu học tập một số học phần đào tạo giáo viên trình độ CĐ ngành GDMN (2016), *Tâm lí học mầm non*, NXB Giáo dục.

[2]. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (chủ biên), Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa (2016), *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm.

[3]. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Đinh Văn Vang, Nguyễn Văn Luỹ (2014), *Giáo trình Tâm lí học đại cương* (dùng cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non), NXB Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

[4]. Trương Thị Khánh Hà (2013), *Giáo trình tâm lí học phát triển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[5]. Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:

* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (hệ số 1)

- Kiểm tra định kì: 2 điểm (hệ số 2)

* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):

+ Hình thức thi: Vấn đáp

+ Thời gian thi: Theo quy định.

9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;

- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

9.3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thương

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

PHỤ LỤC I.
MA TRẬN MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng
 2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)
 5. Thời gian đào tạo: 3 năm
 Học phần: Tâm lí học mầm non

3. Mã ngành: 51140201
 4. Loại hình đào tạo: Chính quy/VLVH
 Trưởng bộ môn (Kí, ghi rõ họ và tên): Nguyễn Thị Thu Hà

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong học phần
1. Phẩm chất	1.1. Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	
		1.1.2	
		1.1.3	
		1.1.4	
	1.2. Mến trẻ	1.2.1	x
		1.2.2	x
		1.2.3	x
	1.3. Yêu nghề	1.3.1	x
		1.3.2	x
		1.3.3	x
	1.4. Trung thực	1.4.1	x
		1.4.2	
		1.4.3	x
	1.5. Trách nhiệm	1.5.1	
		1.5.2	x
		1.5.3	x
		1.5.4	x
		1.5.5	x
	1.6. Tự học	1.6.1	
		1.6.2	

2. Năng lực chung	2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	1.6.3	x
		2.1.1	
		2.1.2	x
		2.1.3	x
		2.1.4	x
	2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.1.5	x
		2.2.1	
		2.2.2	x
		2.2.3	x
		2.2.4	x
		2.2.5	
		2.2.6	
	2.3. Năng lực lãnh đạo	2.2.7	
		2.3.1	
		2.3.2	x
	2.4. Năng lực giải quyết vấn đề	2.3.3	
		2.4.1	
		2.4.2	
		2.4.3	x
		2.4.4	x
2.4.5		x	
2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.4.6		
	2.5.1		
	2.5.2		

		2.5.3	
	2.6.Năng lực phản biện	2.6.1	x
		2.6.2	x
		2.6.3	x
		2.6.4	
3. Năng lực sư phạm	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	x
		3.1.2	x
		3.1.3	
		3.1.4	
		3.1.5	
		3.1.6	
		3.1.7	
		3.1.8	
		3.1.9	
	3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục	3.2.1	
		3.2.2	
		3.2.3	x
		3.2.4	x
		3.2.5	x
		3.2.6	x
		3.2.7	x
	3.3.Năng lực định hướng	3.3.1	x
		3.3.2	x
		3.3.3	x
	3.4. Năng lực hoạt động xã hội	3.4.1	
		3.4.2	
		3.4.3	
	3.5 Năng lực phát triển nghề nghiệp	3.5.1	x
		3.5.2	x
3.5.3		x	
3.5.4		x	

4 Năng lực nghề nghiệp	4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1	x
		4.1.2	
		4.1.3	
		4.1.4	
	4.2.Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.1	
		4.2.2	
		4.2.3	
	4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khóa học ngành vào thực tiễn	4.3.1	x
		4.3.2	
		4.3.3	
		4.3.4	
		4.3.5	
	4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1	x
		4.4.2	x
		4.4.3	x
	4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1	
		4.5.2	
		4.5.3	
	4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.6.1	
		4.6.2	
		4.6.3	

PHỤ LỤC II.
BẢNG LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁO VIÊN MẦM NON, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức														Kỹ năng														Năng lực tự chủ và trách nhiệm									
		Kiến thức đại cương					Kiến thức chuyên ngành									Kỹ năng cứng						Kỹ năng mềm																	
		K T Đ C 1	K T Đ C 2	K T Đ C 3	K T Đ C 4	K T Đ C 5	K T C N 1	K T C N 2	K T C N 3	K T C N 4	K T C N 5	K T C N 6	K T C N 7	K T C N 8	K T C N 9	K T C N 10	K N C 1	K N C 2	K N C 3	K N C 4	K N C 5	K N C 6	K N M 1	K N M 2	K N M 3	K N M 4	K N M 5	K N M 6	K N M 7	K N M 8	K N M 9	K N M 10	K N M 11	K N M 12	N L 1	N L 2	N L 3		
TL.MN .CS.01	Tâm lý học mầm non		X				X		X		X				X			X	X		X	X											X	X	X	X			X

Ghi chú: Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra nào của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thì đánh dấu “x” tương ứng.